



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.15.01S.2026.1774>

## THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ TIẾNG VIỆT CHO TRẺ 4-5 TUỔI Ở CÁC TRƯỜNG MẦM NON PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Phạm Minh Giản<sup>1</sup> và Nguyễn Thị Kim Phượng<sup>2\*</sup>

<sup>1</sup>Khoa Giáo dục chính trị và Quản lý giáo dục, Trường Sư phạm,  
Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

<sup>2</sup> Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

\*Tác giả liên hệ, Email: [theresaphuong81@gmail.com](mailto:theresaphuong81@gmail.com)

### Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 28/01/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 21/03/2026; Ngày duyệt đăng: 23/3/2026

### Tóm tắt

Nghiên cứu nhằm phân tích thực trạng quản lý hoạt động phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ 4-5 tuổi tại các trường mầm non phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, làm cơ sở đề xuất định hướng nâng cao hiệu quả quản lý trong bối cảnh đổi mới giáo dục mầm non. Nghiên cứu sử dụng phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi, phỏng vấn; dữ liệu thu thập từ 150 cán bộ quản lý và giáo viên tại 06 trường mầm non, được xử lý bằng thống kê mô tả. Kết quả cho thấy công tác quản lý đã được triển khai khá đồng bộ ở các khâu lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra – đánh giá (điểm trung bình chung từ 3,56 đến 4,35). Tuy nhiên, vẫn tồn tại hạn chế trong xây dựng kế hoạch dài hạn, kiểm tra giám sát và phối hợp gia đình – nhà trường. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, bài báo đề xuất một số định hướng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ 4–5 tuổi tại các trường mầm non hiện nay.

**Từ khóa:** Phát triển ngôn ngữ tiếng Việt, quản lý hoạt động phát triển ngôn ngữ, trẻ 4–5 tuổi

Trích dẫn: Phạm, M. G., & Nguyễn, T. K. P. (2026). Thực trạng quản lý hoạt động phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ 4-5 tuổi ở các trường mầm non phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. *Tap chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 15(01S), 140-150. <https://doi.org/10.52714/dthu.15.01S.2026.1774>

Copyright © 2026 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

## **CURRENT STATUS OF MANAGING VIETNAMESE LANGUAGE DEVELOPMENT ACTIVITIES FOR CHILDREN AGED 4-5 YEARS IN KINDERGARTENS IN NINH KIEU DISTRICT, CAN THO CITY**

**Pham Minh Gian<sup>1</sup> and Nguyen Thi Kim Phuong<sup>2\*</sup>**

<sup>1</sup>*Faculty of Political Education and Education Management, School of Education, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

<sup>2</sup>*Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

*\*Corresponding Author, Email: theresaphuong81@gmail.com*

### **Article history**

*Received: 28/01/2025; Received in revised form: 21/03/2026; Accepted: 23/3/2026*

### **Abstract**

*This study analyzed the current status of managing Vietnamese language development activities for children aged 4–5 years old in kindergartens in Ninh Kieu Ward, Can Tho City; thereby, it proposes directions to enhance management effectiveness in the context of early childhood education reform. The study employed survey methods using questionnaires and interviews; data were collected from 150 school administrators and teachers at six kindergartens and analyzed using descriptive statistics. The results indicate that management activities have been implemented relatively synchronously across key functions, including planning, organization, direction, and monitoring–evaluation (with mean scores ranging from 3.56 to 4.35). However, several limitations remain, particularly in long-term planning, supervision, and coordination between schools and families. Accordingly, the study proposes several directions to improve the effectiveness of managing Vietnamese language development activities for children aged 4–5 years old in kindergartens.*

**Keywords:** *Children aged 4–5 years, management of language development activities, Vietnamese language development.*

## **1. Giới thiệu**

Tiếng Việt là ngôn ngữ quốc gia, đồng thời là công cụ quan trọng giúp trẻ mầm non (MN) hình thành tư duy, giao tiếp và lĩnh hội tri thức. Ở lứa tuổi 4-5, trẻ bước vào giai đoạn phát triển mạnh về vốn từ, cấu trúc câu và khả năng diễn đạt; đây là nền tảng quan trọng cho sự phát triển nhận thức và chuẩn bị sẵn sàng cho học tập ở bậc tiểu học. Chương trình Giáo dục MN xác định phát triển ngôn ngữ là một trong những lĩnh vực trọng tâm, góp phần hình thành và phát triển toàn diện nhân cách trẻ (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2020; 2021).

Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn khẳng định vai trò nền tảng của giáo dục MN trong hệ thống giáo dục quốc dân. Nghị quyết số 29-NQ/TW nhấn mạnh yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trong đó chú trọng phát triển con người ngay từ giai đoạn đầu đời (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2013). Điều này đặt ra yêu cầu nâng cao chất lượng tổ chức các hoạt động giáo dục nói chung và hoạt động phát triển ngôn ngữ nói riêng trong các cơ sở giáo dục MN.

Nhiều nghiên cứu đã khẳng định mối liên hệ chặt chẽ giữa phát triển ngôn ngữ và phát triển nhận thức ở trẻ MN. Các hoạt động hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng, thao tác so sánh, phát triển tư duy có vai trò quan trọng trong việc mở rộng vốn từ và năng lực diễn đạt của trẻ (Clements & Sarama, 2004; Đỗ, 2010). Đồng thời, việc tổ chức môi trường giáo dục và lựa chọn phương pháp phù hợp góp phần nâng cao hứng thú nhận thức và hiệu quả hoạt động học của trẻ (Lương, 2019; Trương, 2017).

Mặc dù đã có một số công trình nghiên cứu về phát triển ngôn ngữ cho trẻ MN và bước đầu tiếp cận dưới góc độ quản lý giáo dục, tuy nhiên các nghiên cứu này chủ yếu tập trung vào hoạt động dạy học hoặc phát triển năng lực ngôn ngữ của trẻ, trong khi khía cạnh quản lý hoạt động phát triển ngôn ngữ tiếng Việt theo tiếp cận chức năng quản lý (lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra – đánh giá) chưa được phân tích một cách hệ thống và đầy đủ. Bên cạnh đó, các nghiên cứu thực nghiệm trong bối cảnh cụ thể của các cơ sở giáo dục MN ở khu vực đô thị Đồng bằng sông Cửu Long còn hạn chế, đặc biệt là tại địa bàn phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Từ những khoảng trống trên, nghiên cứu này tập trung phân tích thực trạng quản lý hoạt động phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ 4–5 tuổi theo các chức năng quản lý cơ bản nhằm làm cơ sở đề xuất các định hướng nâng cao hiệu quả quản lý trong bối cảnh đổi mới giáo dục MN hiện nay.

## **2. Nội dung**

### **2.1. Phương pháp nghiên cứu**

Nghiên cứu sử dụng phương pháp khảo sát bằng phiếu hỏi kết hợp phỏng vấn sâu. Mẫu khảo sát gồm 150 cán bộ quản lý (CBQL) và giáo viên (GV) tại 6 trường MN tại các Trường MN Sơn Ca, Trường MN Hoàng Anh, Trường MN Tây Đô, Trường MN 2/9, Trường MN Hướng Dương, và Trường MN Mai Anh trên địa bàn phường Ninh Kiều. Dữ liệu được xử lý bằng thống kê mô tả, tính điểm trung bình để phân tích mức độ thực hiện các nội dung quản lý hoạt động phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ 4–5 tuổi. Bên cạnh khảo sát bằng phiếu hỏi, nghiên cứu còn sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu nhằm thu thập dữ liệu để làm rõ hơn các kết quả khảo sát, gồm 3 CBQL và 3 GV nhằm làm rõ thêm một số nội dung liên quan đến thực trạng quản lý.

Thời gian khảo sát từ tháng 8/2025 đến tháng 12/2025. Dữ liệu được thu thập thông qua bảng hỏi theo thang đo Likert 5 mức. Điểm trung bình (ĐTB) của từng nội dung được tính theo công thức: 
$$ĐTB = \frac{1A+2B+3C+4D+5E}{N}$$

Trong đó: A, B, C, D, E lần lượt là số ý kiến lựa chọn các mức 1, 2, 3, 4, 5; N là tổng số người tham gia khảo sát. Điểm trung bình chung (ĐTB) được tính bằng trung bình cộng các ĐTB của các tiêu chí trong cùng một nhóm nội dung. Căn cứ vào khoảng cách định mức 0,8, các mức đánh giá được quy ước như sau:  $1,00 \leq \text{ĐTB} \leq 1,80$ : Kém;  $1,80 < \text{ĐTB} \leq 2,60$ : Yếu;  $2,60 < \text{ĐTB} \leq 3,40$ : Trung bình;  $3,40 < \text{ĐTB} \leq 4,20$ : Khá;  $4,20 < \text{ĐTB} \leq 5,00$ : Tốt.

Bảng hỏi được thiết kế gồm 26 tiêu chí, chia thành 5 nhóm nội dung: nhận thức về vai trò của hiệu trưởng trong quản lý hoạt động phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ 4-5 tuổi (7 tiêu chí), lập kế hoạch (7 tiêu chí), tổ chức (4 tiêu chí), chỉ đạo (5 tiêu chí) và kiểm tra – đánh giá (3 tiêu chí).

Các ý kiến phỏng vấn được mã hóa nhằm bảo đảm tính ẩn danh; trong đó CBQL1, CBQL2... ký hiệu cho CBQL và GV1, GV2... ký hiệu cho GV. Những trích dẫn từ phỏng vấn được sử dụng nhằm minh họa và làm rõ hơn kết quả phân tích dữ liệu khảo sát.

## **2.2. Khái quát về phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ 4-5 tuổi và quản lý hoạt động phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ 4-5 tuổi tại các trường mầm non**

Phát triển ngôn ngữ là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục MN, giữ vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự hình thành và phát triển toàn diện của trẻ. Ở độ tuổi 4-5, trẻ có sự phát triển mạnh mẽ về vốn từ, cấu trúc câu và khả năng diễn đạt; đây là giai đoạn nền tảng để chuẩn bị cho hoạt động học tập ở các bậc học tiếp theo. Theo Chương trình Giáo dục MN, phát triển ngôn ngữ nhằm giúp trẻ sử dụng tiếng Việt phù hợp trong giao tiếp và học tập, góp phần phát triển tư duy và các năng lực cá nhân (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2020; 2021).

Về phương diện lý luận, nhiều công trình nghiên cứu đã khẳng định mối quan hệ mật thiết giữa phát triển ngôn ngữ và phát triển nhận thức ở trẻ MN. Các hoạt động hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng, thao tác so sánh và tư duy logic không chỉ giúp trẻ phát triển trí tuệ mà còn mở rộng vốn từ, nâng cao khả năng diễn đạt và tư duy ngôn ngữ (Clements & Sarama, 2004; Đỗ, 2010). Bên cạnh đó, việc tổ chức môi trường học tập phù hợp và khai thác hiệu quả các hoạt động trải nghiệm góp phần kích thích hứng thú nhận thức và nâng cao hiệu quả giáo dục (Lương, 2019; Trương, 2017).

Từ góc độ quản lý giáo dục, việc tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ cần được thực hiện thông qua các chức năng cơ bản như lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo và kiểm tra, đánh giá. Nghiên cứu về quản lý hoạt động phát triển nhận thức ở trẻ MN cho thấy vai trò quan trọng của công tác quản lý trong việc bảo đảm tính hệ thống, tính mục tiêu và hiệu quả của hoạt động giáo dục (Phạm, 2020). Đồng thời, định hướng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cũng đặt ra yêu cầu nâng cao chất lượng quản lý hoạt động giáo dục ngay từ bậc học MN (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2013).

Một số nghiên cứu gần đây đã bước đầu tiếp cận vấn đề từ góc độ quản lý giáo dục. Tiêu biểu là nghiên cứu (Nguyễn, 2021) với đề tài quản lý hoạt động giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ 4-5 tuổi tại các trường MN theo tiếp cận năng lực, trong đó tác giả phân tích các nội dung quản lý như lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra và đánh giá hoạt động của GV trong phát triển ngôn ngữ cho trẻ. Tuy nhiên, số lượng nghiên cứu theo hướng này còn hạn chế và chưa phổ biến. Ngoài ra, nghiên cứu về xây dựng môi trường chữ viết trong lớp học nhằm phát triển tiền kỹ năng đọc, viết cho trẻ 4-5 tuổi đã làm rõ vai trò của môi trường vật chất và không gian lớp học đối với sự phát triển ngôn ngữ của trẻ. Nghiên cứu này gián tiếp đề cập đến công tác quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị và môi trường giáo dục – một nội dung quan trọng trong quản lý hoạt động phát triển ngôn ngữ ở trường MN. Thêm vào đó, quản lý giáo dục MN cần được thực hiện thông qua các chức năng cơ bản: lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo và kiểm tra – đánh giá, nhằm bảo đảm các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ đạt hiệu quả. (Trần, 2022).

Trong bối cảnh hiện nay, việc phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ 4-5 tuổi không chỉ dừng lại ở việc tăng cường vốn từ hay rèn luyện kỹ năng nói, mà còn hướng tới phát triển năng lực giao tiếp, tư duy và khả năng biểu đạt cảm xúc phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi. Do đó, các cơ sở giáo dục MN cần chú trọng xây dựng môi trường ngôn ngữ phong phú, tổ chức đa dạng hình thức hoạt động và tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường với gia đình nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục trẻ.

Tuy nhiên, các nghiên cứu trên chưa phân tích một cách hệ thống về quản lý hoạt động phát triển ngôn ngữ tiếng Việt theo các chức năng quản lý, đặc biệt trong bối cảnh cụ thể của các trường MN khu vực đô thị.

**2.3. Kết quả nghiên cứu thực trạng quản lý hoạt động phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ 4-5 tuổi, ở các trường mầm non, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ**

*2.3.1. Thực trạng nhận thức về vai trò của hiệu trưởng trong quản lý hoạt động phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ 4-5 tuổi ở trường mầm non.*

**Bảng 1. Thực trạng nhận thức về vai trò của hiệu trưởng trong quản lý hoạt động phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ 4-5 tuổi ở trường mầm non**

STT	Nội dung	Khách thể	Mức độ đánh giá					ĐTB	ĐTBC	Thứ bậc
			Không quan trọng	Ít quan trọng	Khá quan trọng	Quan trọng	Rất Quan trọng			
1	Chỉ đạo xây dựng và phê duyệt kế hoạch phát triển ngôn ngữ tiếng Việt của nhà trường	CBQL	0	0	5	5	8	4,16	4,22	1
		GV	0	0	11	72	49	4,28		
2	Đảm bảo các hoạt động phát triển ngôn ngữ được tổ chức theo định hướng “lấy trẻ làm trung tâm”, phát huy tính chủ động, sáng tạo của trẻ	CBQL	0	0	5	6	7	4,11	4,19	2
		GV	0	0	15	65	52	4,28		
3	Phân công và đánh giá, tạo động lực khuyến khích đổi mới PP dạy học	CBQL	0	0	8	6	4	3,77	3,82	6
		GV	0	0	55	39	38	3,87		
4	Xây dựng môi trường giàu ngôn ngữ, và quản lý tài chính/tài sản	CBQL	0	0	6	5	7	4,05	3,96	4
		GV	0	0	63	23	46	3,87		
5	Phối hợp với gia đình, xây dựng môi quan hệ với chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội khác	CBQL	0	0	1	10	7	4,33	4,15	3
		GV	0	0	39	58	35	3,96		
6	Thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động phát triển ngôn ngữ của GV	CBQL	0	2	2	8	6	4,00	3,73	7
		GV	0	5	75	37	15	3,46		

STT	Nội dung	Khách thể	Mức độ đánh giá					ĐTB	ĐTBC	Thứ bậc
			Không quan trọng	Ít quan trọng	Khá quan trọng	Quan trọng	Rất Quan trọng			
7	Kịp thời phát hiện những điểm mạnh, điểm yếu để có những điều chỉnh phù hợp về kế hoạch, PP và nguồn lực nhằm nâng cao chất lượng hoạt động	CBQL	0	0	5	8	5	4,00	3,83	5
		GV	0	10	49	48	25	3,67		
<b>ĐTBC</b>								<b>3,98</b>		

Kết quả ở Bảng 1 cho thấy nhận thức của CBQL và GV về vai trò của hiệu trưởng trong quản lý hoạt động phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ 4–5 tuổi đạt mức khá (ĐTBC = 3,98). Các nội dung được đánh giá dao động từ 3,73 đến 4,22, phản ánh mức độ nhận thức tương đối đồng đều giữa các tiêu chí.

Khi so sánh giữa hai nhóm khách thể, có thể nhận thấy CBQL có xu hướng đánh giá cao hơn GV ở hầu hết các nội dung, đặc biệt ở nội dung “thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động” (CBQL: 4,00; GV: 3,46). Sự chênh lệch này cho thấy CBQL nhìn nhận vai trò quản lý theo hướng tích cực hơn, trong khi GV – với vai trò trực tiếp thực hiện – nhận thấy còn những hạn chế nhất định trong thực tiễn triển khai.

Nội dung “chỉ đạo xây dựng và phê duyệt kế hoạch” đạt điểm cao nhất (ĐTBC = 4,22), phản ánh vai trò trung tâm của hiệu trưởng trong định hướng hoạt động. Ngược lại, nội dung liên quan đến kiểm tra, giám sát có điểm thấp hơn, cho thấy đây là khâu cần được tăng cường.

Kết quả này phù hợp với ý kiến phỏng vấn của CBQL1 khi cho rằng hiệu trưởng giữ vai trò quyết định trong tổ chức và điều hành hoạt động, song công tác giám sát còn gặp khó khăn do áp lực công việc.

### 2.3.2. Thực trạng xây dựng kế hoạch hoạt động phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ 4-5 tuổi, ở các trường mầm non

**Bảng 2. Thực trạng mức độ thực hiện lập kế hoạch hoạt động phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ 4-5 tuổi, ở các trường MN, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ**

STT	Nội dung	Khách thể	Mức độ đánh giá					ĐTB	ĐTBC	Thứ bậc
			Rất yếu	Yếu	TB	Khá	Tốt			
1	Xác định đặc điểm tình hình	CBQL	0	0	2	12	4	4,11	4,22	1
		GV	0	0	5	76	51	4,34		
2	Xác định mục tiêu phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ 4-5 tuổi	CBQL	0	0	2	12	4	4,11	4,19	2
		GV	0	0	12	71	49	4,28		

STT	Nội dung	Khách thể	Mức độ đánh giá					ĐTB	ĐTBC	Thứ bậc
			Rất yếu	Yếu	TB	Khá	Tốt			
3	Xác định nội dung phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ 4-5 tuổi	CBQL	0	0	9	7	2	3,61	3,70	6
		GV	0	0	55	48	29	3,80		
4	Xác định phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ 4-5 tuổi	CBQL	0	0	3	9	6	4,16	4,08	4
		GV	0	0	23	85	24	4,00		
5	Xác định các điều kiện đảm bảo thực hiện hoạt động phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ 4-5 tuổi	CBQL	0	0	1	9	8	4,38	4,18	3
		GV	0		32	69	31	3,99		
6	Xác định hoạt động phối hợp với cha mẹ trẻ trong phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ 4-5 tuổi	CBQL	0	3	3	7	5	3,77	3,56	7
		GV	0	0	87	43	2	3,35		
7	Đặt kế hoạch phát triển ngôn ngữ vào kế hoạch chăm sóc, giáo dục chung	CBQL	0	0	0	16	2	4,11	4,01	5
		GV	0	0	23	97	12	3,91		
<b>ĐTBC</b>								<b>3,99</b>		

Kết quả ở Bảng 2 cho thấy công tác lập kế hoạch quản lý hoạt động phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ 4-5 tuổi đạt mức khá (ĐTBC = 3,99), với các giá trị ĐTB dao động từ 3,56 đến 4,22.

So sánh giữa hai nhóm khách thể cho thấy CBQL đánh giá cao hơn GV ở hầu hết các nội dung, đặc biệt ở nội dung “xác định điều kiện thực hiện” (CBQL: 4,38; GV: 3,99). Điều này phản ánh CBQL có xu hướng đánh giá đầy đủ hơn về điều kiện tổ chức, trong khi GV nhận thấy những khó khăn cụ thể trong thực tế triển khai.

Nội dung “xác định đặc điểm tình hình” đạt điểm cao nhất (ĐTBC = 4,22), cho thấy các nhà trường đã quan tâm đến việc xuất phát từ thực tiễn khi xây dựng kế hoạch. Ngược lại, nội dung “phối hợp với cha mẹ và cộng đồng” có điểm thấp nhất (ĐTBC = 3,56), phản ánh hạn chế trong việc kết nối giữa nhà trường và gia đình trong phát triển ngôn ngữ cho trẻ.

Kết quả phỏng vấn GV1 cho thấy việc phối hợp với cha mẹ trẻ còn mang tính hình thức, chưa được cụ thể hóa thành các hoạt động thường xuyên. Điều này đặt ra yêu cầu cần nâng cao năng lực lập kế hoạch theo hướng tăng cường sự tham gia của các lực lượng giáo dục.

2.3.3. *Thực trạng tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ 4-5 tuổi, ở các trường mầm non*

**Bảng 3. Thực trạng tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ 4-5 tuổi, ở các trường mầm non, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ**

STT	Nội dung	Khách thể	Mức độ đánh giá					ĐTB	ĐTBC	Thứ bậc
			Rất yếu	Yếu	TB	Khá	Tốt			
1	Triển khai kế hoạch phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ 4-5 tuổi	CBQL	0	0	0	12	6	4,33	4,35	1
		GV	0	0	0	81	51	4,38		
2	Phân công nhiệm vụ tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ 4-5 tuổi	CBQL	0	0	1	14	3	4,11	4,27	2
		GV	0	0	2	69	61	4,44		
3	Trang bị cơ sở vật chất, môi trường phục vụ phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ 4-5 tuổi	CBQL	0	0	8	8	2	3,66	3,76	4
		GV	0	0	55	38	39	3,87		
4	Hướng dẫn, giải thích, động viên các bộ phận, cá nhân thực hiện kế hoạch	CBQL	0	0	1	11	6	4,27	4,11	3
		GV	0	0	33	72	27	3,95		
<b>ĐTBC</b>								<b>4,12</b>		

Kết quả ở Bảng 3 cho thấy công tác tổ chức thực hiện hoạt động phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ 4-5 tuổi đạt mức khá cao (ĐTBC = 4,12), với các giá trị dao động từ 3,76 đến 4,35.

So sánh giữa CBQL và GV cho thấy GV đánh giá cao hơn CBQL ở một số nội dung như “phân công nhiệm vụ” (GV: 4,44; CBQL: 4,11), phản ánh GV cảm nhận rõ hiệu quả trong việc tổ chức thực hiện hoạt động. Trong khi đó, CBQL có xu hướng đánh giá thận trọng hơn ở nội dung liên quan đến cơ sở vật chất (CBQL: 3,66; GV: 3,87).

Nội dung “triển khai kế hoạch” đạt điểm cao nhất (ĐTBC = 4,35), cho thấy các hoạt động phát triển ngôn ngữ được tổ chức khá hiệu quả trong thực tiễn. Tuy nhiên, nội dung “trang bị cơ sở vật chất, môi trường” có điểm thấp nhất (ĐTBC = 3,76), phản ánh những hạn chế về điều kiện hỗ trợ hoạt động.

Ý kiến phỏng vấn GV2 cho thấy mặc dù hoạt động được triển khai thường xuyên, nhưng việc đảm bảo đầy đủ điều kiện vật chất và sự giám sát kịp thời vẫn còn hạn chế. Điều này cho thấy cần tăng cường đầu tư và quản lý nguồn lực trong tổ chức hoạt động.

2.3.4. Thực trạng chỉ đạo hoạt động phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ 4-5 tuổi, ở các trường mầm non

**Bảng 4. Thực trạng chỉ đạo hoạt động phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ 4-5 tuổi, ở các trường mầm non, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ**

STT	Nội dung	Khách thể	Mức độ đánh giá					ĐTB	ĐTBC	Thứ bậc
			Không thường xuyên	Ít thường xuyên	Thường xuyên	Khá thường xuyên	Rất thường xuyên			
1	Hiệu trưởng quán triệt thực hiện mục tiêu, nội dung giáo dục phát triển ngôn ngữ tiếng Việt 4-5 tuổi đến các thành viên trong nhà trường	CBQL	0	0	6	6	6	4,00	4,10	3
		GV	0	0	21	61	50	4,21		
2	Tổ chuyên môn hướng dẫn GV thực hiện lồng ghép giáo dục phát triển ngôn ngữ tiếng Việt vào các hoạt động	CBQL	0	0	4	11	3	3,94	4,04	4
		GV	0	0	23	67	42	4,14		
3	Động viên, hỗ trợ GV trong tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ 4-5 tuổi	CBQL	0	0	7	8	3	3,77	4,05	5
		GV	0	0	0	87	45	4,34		
4	Chỉ đạo GV phối hợp với cha mẹ trẻ trong phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ 4-5 tuổi	CBQL	0	0	0	14	4	4,22	4,11	2
		GV	0	0	28	75	29	4,00		
5	Giám sát quá trình thực hiện, giải quyết vấn đề nảy sinh từ thực tiễn quá trình tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ	CBQL	0	0	2	8	8	4,33	4,21	1
		GV	0	0	24	71	37	4,09		
<b>ĐTBC</b>								<b>4,10</b>		

Kết quả ở Bảng 4 cho thấy công tác chỉ đạo hoạt động phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ 4-5 tuổi được thực hiện khá thường xuyên (ĐTBC = 4,10), với mức điểm tương đối đồng đều giữa các nội dung.

So sánh giữa hai nhóm khách thể cho thấy GV đánh giá cao hơn CBQL ở một số nội dung như “động viên, khích lệ GV” (GV: 4,34; CBQL: 3,77), phản ánh sự ghi nhận của GV đối với vai trò hỗ trợ từ phía quản lý. Trong khi đó, CBQL đánh giá cao hơn ở nội dung “giám sát và xử lý tình huống” (CBQL: 4,33; GV: 4,09), thể hiện góc nhìn quản lý tổng thể.

Nội dung “giám sát quá trình thực hiện” đạt điểm cao nhất (ĐTBC = 4,21), cho thấy công tác chỉ đạo đã chú trọng đến việc theo dõi hoạt động. Tuy nhiên, một số nội dung chỉ đạo chuyên môn vẫn chưa đạt mức cao, phản ánh sự cần thiết cần phải tăng cường chiều sâu trong chỉ đạo.

Kết quả phỏng vấn GV2 cho thấy một số hoạt động chỉ đạo còn chưa thường xuyên do hạn chế về thời gian và nguồn lực, điều này ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai hoạt động.

*2.3.5. Thực trạng kiểm tra đánh giá hoạt động phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ 4-5 tuổi ở các trường mầm non*

**Bảng 5. Thực trạng kiểm tra đánh giá hoạt động phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ 4-5 tuổi, ở các trường mầm non, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ**

STT	Nội dung	Khách thể	Mức độ đánh giá					ĐTĐ	ĐTBC	Thứ bậc
			Rất yếu	Yếu	TB	Khá	Tốt			
1	Xác lập tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá	CBQL	0	0	3	8	7	4,22	4,14	3
		GV	0	0	35	52	45	4,07		
2	Tổ chức đo lường kết quả theo tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá	CBQL	0	0	0	13	5	4,27	4,31	2
		GV	0	0	0	84	48	4,36		
3	Ra quyết định điều chỉnh hoạt động phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ 4-5 tuổi	CBQL	0	0	2	8	8	4,33	4,34	1
		GV	0	0	7	70	55	4,36		
<b>ĐTBC</b>								<b>4,26</b>		

Kết quả ở Bảng 5 cho thấy công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ 4-5 tuổi đạt mức khá cao (ĐTBC = 4,26), cao nhất trong các chức năng quản lý được khảo sát.

So sánh giữa CBQL và GV cho thấy mức độ đánh giá tương đối đồng đều, tuy nhiên GV có xu hướng đánh giá cao hơn ở nội dung “tổ chức đo lường kết quả” (GV: 4,36; CBQL: 4,27), phản ánh sự tham gia trực tiếp của GV trong quá trình đánh giá.

Nội dung “ra quyết định điều chỉnh...” đạt điểm cao nhất (ĐTBC = 4,34), cho thấy các nhà trường đã chú trọng đến việc sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh hoạt động. Điều này góp phần nâng cao động lực làm việc của GV và chất lượng hoạt động giáo dục.

Tuy nhiên, kết quả phỏng vấn CBQL2 cho thấy hoạt động kiểm tra vẫn thiên về đánh giá kết quả cuối cùng, trong khi kiểm tra mang tính hỗ trợ quá trình chưa được thực hiện thường xuyên. Điều này đặt ra yêu cầu đổi mới công tác kiểm tra theo hướng phát triển và hỗ trợ.

### **3. Kết luận**

Kết quả khảo sát và phân tích cho thấy hoạt động phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ 4–5 tuổi tại các trường MN phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ đã được quan tâm triển khai tương đối đồng bộ và đạt mức khá, phù hợp với yêu cầu của Chương trình Giáo dục MN hiện hành và đặc điểm phát triển của trẻ ở độ tuổi này. Công tác quản lý hoạt động phát triển ngôn ngữ được thực hiện ở tất cả các chức năng cơ bản, bao gồm lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo và kiểm tra – đánh giá.

Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy công tác quản lý vẫn còn một số hạn chế, thể hiện ở việc xây dựng kế hoạch chưa mang tính dài hạn, sự phối hợp giữa nhà trường với gia đình và cộng đồng chưa thực sự hiệu quả, cũng như hoạt động kiểm tra, giám sát chưa được thực hiện thường xuyên và đồng đều giữa các cơ sở giáo dục.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu gợi mở một số định hướng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ 4–5 tuổi tại các trường MN, bao gồm: nâng cao nhận thức của CBQL và GV; tăng cường chất lượng công tác lập kế hoạch; đẩy mạnh phối hợp giữa nhà trường với gia đình và các lực lượng xã hội; đồng thời đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá theo hướng hỗ trợ và phát triển.

Những định hướng này có ý nghĩa tham khảo trong việc nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ MN, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

#### **Tài liệu tham khảo**

- Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2020). *Chương trình giáo dục mầm non* (Ban hành kèm theo Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020).
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/04/2021, Thông tư ban hành Chương trình Giáo dục mầm non*.
- Clements, D. H., & Sarama, J. (2004). *Engaging young children in mathematics: Standards for early childhood mathematics education*. Lawrence Erlbaum Associates.
- Đỗ, T. M. L. (2010). Nghiên cứu phát triển khả năng so sánh cho trẻ mẫu giáo trong các hoạt động làm quen với toán. *Tạp chí Giáo dục*, (251), 43-45.
- Lương, T. Đ. (2019). Thực trạng phát triển hứng thú nhận thức trong hoạt động học cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi của giáo viên mầm non huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. *Tạp chí Giáo dục*, (458), 20-25.
- Nguyễn, T. H. (2017). *Giáo dục học mầm non*. NXB Đại học Sư phạm.
- Phạm, T. T. H. (2020). *Quản lý hoạt động phát triển nhận thức cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non tư thục quận Hà Đông, Hà Nội*. Luận văn thạc sĩ Quản lý giáo dục, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
- Trương, T. T. A. (2017). Vai trò của đồng dao đối với việc phát triển nhận thức cho trẻ ở lứa tuổi mầm non. *Tạp chí Giáo dục*, (404), 19-20.
- Nguyễn, A. T. (2015). *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.
- Trần, X.B. (2022). *Quản lý giáo dục mầm non*. Đà Nẵng: NXB Đà Nẵng.